

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 196/2024/DS-PT

Ngày: 19-8-2024

V/v: “Yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng về tài
sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Quang

Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7
năm 2024, về việc “Tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về
tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án
nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2024/QĐ-PT ngày
26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C (8 Cường), sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ F, ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang;

*Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Tài Đ, sinh
năm 1970

Cùng địa chỉ: Ấp Vĩnh Lộc 2, xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên
Giang;

Chỗ ở: Ấp Cạn Ngọn A, xã Thạnh Yên, U Minh Thượng, Kiên Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn V1: Luật sư
Nguyễn Trần Thụy Q – Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh K. Địa chỉ: Số C N,
Rạch G, Kiên Giang.

(Ông Nguyễn Văn C, Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q có mặt; ông Nguyễn Văn
V1 và bà Nguyễn Thị Tài Đ vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông yêu cầu bị đơn vợ chồng
ông V, bà Đ bồi thường thiệt hại những vấn đề sau:

Yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông V gây ra 03 lần phá vuông tôm làm tài sản của ông gồm tôm càng xanh, tôm thẻ, cua mất trắng với tổng giá trị là 152.000.000 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với diện tích tổng cộng 1900m² (Đo đạc thực tế là 2.255m²) trong đó có diện tích 1.115,6m² bị lấn chiếm, diện tích 1.139,6m² không canh tác được làm thiệt hại thu nhập hàng tháng từ ngày 25/01/2022 đến ngày xét xử là 26 tháng (Mỗi tháng 365.000 đồng) với tổng số tiền là 9.490.000 đồng. Cụ thể: Yêu cầu bồi thường thiệt hại từ ngày 25/01/2022 đến 25/10/2022 là 09 tháng với số tiền là 3.285.000 đồng, từ ngày 26/10/2022 đến ngày xét xử ông chỉ tính là 17 tháng với số tiền là 6.205.000 đồng.

Diện tích đất ông C yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ bồi thường theo đo đạc thực tế 1.115,6m² +1.139,6m² (Vị trí tứ cạnh theo tờ trích đo địa chính số 79-2023, ngày 20/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V) và phần đất ông thuê của bà N đã cưỡng chế thi hành án giao đất trả lại bà N do ông V đại diện của bà N nhận đất.

Nay yêu cầu vợ chồng ông V, bà Đ bồi thường thiệt hại tổng số tiền 161.490.000 đồng (Trong đó thiệt hại tiền tôm, cua bị mất trắng là 152.000.000 đồng, thiệt hại diện tích đất không canh tác được xác định theo giá thuê 365.000đồng/tháng với tổng số tiền là 9.490.000 đồng).

Người bảo vệ quyền, lợi ích của bị đơn ông V do luật sư bà Nguyễn Trần Thụy Q trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguồn gốc phần đất phía ông C yêu cầu vợ chồng ông V bồi thường là của bà N cho ông C thuê QSD đất theo Bản án số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, buộc ông C phải thu hoạch tài sản có trên đất trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật để giao trả lại diện tích đất thuê cho bà N; ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà N tham gia tố tụng và bà N ủy quyền cho ông V trong quá trình thi hành án. Theo biên bản cưỡng chế giao QSD đất ngày 28/12/2021 ông C ký tên bàn giao đất không có đề cập có tài sản gì trên đất, sau khi nhận đất ông V sử dụng đào bờ để sả nước sử dụng trong phạm vi phần đất được thi hành án giao cho bà N, không ảnh hưởng gì đối với đất ông C, không ảnh hưởng tài sản của ông C. Nay ông C yêu cầu vợ chồng ông V bồi thường thiệt hại thì bà là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông V có ý kiến không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tài Đ số tiền là 161.490.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/4/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông do bị đơn hủy hoại. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích do bị đơn lấn chiếm

qua phần diện tích của ông đang sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/01/2003 do bị đơn tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C xin rút phần kháng cáo về yêu cầu đòi trả đất, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bồi thường.

Luật sư Q bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tranh luận: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng, kể từ ngày thi hành án tổng đạt quyết định đến ngày cưỡng chế là 10 tháng, đã đủ thời gian để thu hoạch. Nguyên đơn cũng không trình bày là dưới vuông có tằm chưa thu hoạch. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về yêu cầu đòi bồi thường, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo yêu cầu đòi đất do ông C đã rút, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bản án sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông do bị đơn hủy hoại, yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích do bị đơn lấn chiếm qua phần diện tích của ông đang sử dụng, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/01/2003 do bị đơn tự ý làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C xin rút phần kháng cáo về yêu cầu đòi trả đất, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo yêu cầu đòi trả đất.

[3] Hội đồng xét xử xét nội dung kháng cáo yêu cầu bồi thường của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C: Nguyên đơn ông C yêu cầu tổng cộng bồi thường thiệt hại là 161.490.000 đồng: Trong đó thiệt hại tiền tằm, cua bị mất trắng là 152.000.000 đồng, thiệt hại diện tích đất không canh tác được xác định

theo giá thuê 365.000đồng/tháng với tổng số tiền là 9.490.000 đồng. Xét thấy, tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Thuận giải quyết về việc tranh chấp hợp đồng thuê QSD đất giữa ông C với bà N, theo đó buộc ông C phải thu hoạch tôm trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để giao trả đất. Đến ngày 28/12/2021 là tiên hành cưỡng chế giao QSD đất cho bà N (Lúc đó ông V đại diện thi hành án) thì người phải thi hành án là ông Nguyễn Văn C đã ký tên vào biên bản về việc cưỡng chế giao QSD đất ngày 28/12/2021 có thể hiện ông C có ghi nội dung “Ông không thống nhất bản án của Toà án Vĩnh Thuận” ngoài ra ông cũng không đề cập gì đến việc trên đất có còn tài sản gì hay không, nay xác định là có thiệt hại là chưa phù hợp. Việc ông C khai nại do ông không nhận bản án nên ông không biết cho thời hạn thu hoạch tôm. Xét thấy, qua sao lục hồ sơ thụ lý số 116/2018/TLST-DS ngày 12/12/2018 về việc tranh chấp hợp đồng thuê QSD đất giữa bà N với vợ chồng ông C thấy rằng Toà án Vĩnh Thuận có tổng đạt Bản án số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 cho vợ chồng ông C, bà H bằng cách niêm yết bản án vào ngày 24/11/2020, việc niêm yết bản án là đúng quy định pháp luật theo Điều 173, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, ông C thừa nhận có cán bộ Toà án vào tổng đạt giấy tờ cho ông nhưng ông không đồng ý nhận các giấy tờ trên của Toà nên không biết cán bộ Toà án giao giấy tờ gì. Do đó, nay ông cho rằng ông không nhận bản án, không biết cho thời hạn thu hoạch tôm nên ông vẫn tiếp tục thả tôm, thả cua vào tháng 6/2021 al là hoàn toàn do lỗi của ông C.

Tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Tuấn A ngày 22/11/2023 (Bút lục 99) ông Tuấn A xác định “Ông có vào nhà của ông C gặp ông C trao đổi gửi thủ tục Thi hành án về việc bàn giao trả đất thuê thì ông C có nhận các thủ tục tổng đạt thi hành án nhưng không đồng ý ký tên vào các biên bản, đồng thời có giải thích trong bản án số 33/2020/DS-ST ngày 21/10/2020 có tuyên buộc ông C, bà H thu hoạch tài sản có trên đất trong thời hạn 03 tháng để giao trả đất cho bà N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật” thì ông C không thống nhất trả đất thuê cho bà N. Đến ngày 28/12/2021, ông V có cho người đào tay bằng vá ngay vị trí đất được thi hành án của bà N phía giáp đất với ông D, không có đào phần đất của ông C, khi thi hành án ông C không đề cập cho Hội đồng thi hành án dưới vuông có tôm của gì không.

Ngoài ra, những chứng cứ ông C cung cấp về việc ông Ngô Văn L, ông Lê Văn T, ông Nguyễn Văn Ú đều thừa nhận có bán con giống cho ông C. Tuy nhiên, lời khai ông Ú, ông L không xác định được ông C thả giống ở đâu, đối với lời khai của ông T xác định 01 tháng sau khi mua tôm giống thì ông C có gọi điện cho ông nói là đất bị cuốn banh hết nhưng cũng không đủ cơ sở để xác định lỗi của phía bị đơn. Ông V sử dụng đất trong phạm vi đất của bà N đã uỷ quyền cho ông V nhận tài sản khi cưỡng chế giao đất là không có lỗi của ông V. Như vậy, ông C không có chứng cứ chứng minh ông V có gây thiệt hại nên yêu cầu bồi thường không được chấp nhận.

Xét đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là phần đất khoảng 02 công từ tháng 01/2022 đến nay yêu cầu bồi thường theo tiền thuê mỗi tháng là 365.000 đồng, tổng giá trị bồi thường là 9.490.000 đồng.

Đối với diện tích đất này ông C bỏ hoang không sử dụng, ông không có chứng cứ chứng minh ông V có gây thiệt hại mà lỗi hoàn toàn phát sinh từ phía ông C nên yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 584 (Quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại) của Bộ luật dân sự 2015. Đồng thời theo quy định tại Điều 91 (Quy định về nghĩa vụ chứng minh) của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự khi có yêu cầu phải có căn cứ và hợp pháp mà ông C không chứng minh được nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông C đối với vợ chồng ông V, bà Đ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về chi phí tố tụng: Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp toàn bộ chi phí tố tụng 1.577.070 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là $161.490.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.074.500 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.882.000 đồng theo biên lai thu số 0004000 ngày 17/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; ông C còn phải nộp thêm số tiền 4.192.500 đồng (Làm tròn 4.193.000 đồng).

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với yêu cầu kháng cáo đòi bồi thường.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với yêu cầu kháng cáo đòi trả đất.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; áp dụng Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đối với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Tài Đ số tiền là 161.490.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn văn C phải nộp 1.577.070 đồng, ông C đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.074.500 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.882.000 đồng theo biên lai số 0004000 ngày 17/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, ông C còn phải nộp thêm tiền 4.192.500 đồng (Làm tròn 4.193.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002187 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Vĩnh Thuận;
- THA dân sự huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha